TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00666

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 09-10

Môn Học : Sinh hóa chuyên ngành (203105) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 05/08/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD201 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08142002	NGUYỄN HUỲNH XUÂN	AN	DH08DY	1		Tám	7	
2	08142005	NGUYỄN HỒNG	ANH	DH08DY	1		Chín	8	
3	08112011	TÔ HOÀNG	ANH	DH08TY	1		Chín	8	
4	08116003	TRẦN THỊ KIM	ANH	DH08NT	1		Tám	7	
5	08112023	NGUYỄN ĐÌNH	CẦU	DH08TY	1		Mười	9	
6	08112027	VÕ CHÂU NHỰT	CHÍ	DH08TY	2		Bảy Rưỡi	6	5
7	08169031	NGÔ MINH	CÔNG	CD08CS	2		Sáu	5	
8	08111008	NGUYỄN HẢI	DU	DH08CN	1		Bảy Rưỡi	6	5
9	07116026	ĐỒNG QUỐC	DŨNG	DH08NT	1		Ba Rưỡi	2	
10	08141075	VÕ ĐỨC	DŨNG	DH08NY	1		Một	0	
11	08112038	LÂM ANH	DUY	DH08TY	1		Bảy	6	
12	08169052	NGUYỄN NGÔ	ĐẠT	CD08CS	1		Bảy	6	
13	08116034	TRẦN VĂN	ĐẠT	DH08NT	1		Năm	4	
14	08111011	DƯƠNG HẢI	ĐĂNG	DH08CN	1		Năm	4	
15	08112058	NGUYỄN THỊ	ĐƯƠNG	DH08TY	1		Bảy Rưỡi	6	5
16	08169059	ĐÀO THỊ	ÉN	CD08CS	1		Chín	8	
17	08116037	TRẦN	GHI	DH08NT	1		Năm	4	
18	08141011	BÙI TIẾN LÊ BẢO	GIANG	DH08NY	1		Một	0	

Số bài: 20; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2: Võ Thị Minh Nguyễn Thị Bích Thủy

Duyệt của Trưởng Bộ môn: DN Khang

Cán bộ chấm thi 1&2: TS. Huỳnh Thị Bạch Yến

Ngày 5 tháng 8 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00666

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 09-10

Môn Học : Sinh hóa chuyên ngành (203105) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 05/08/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08142039	NGUYỄN LỆ HƯƠNG	GIANG	DH08DY	1		Sáu rưỡi	6	5
20	08161051	NGUYỄN VĂN	GIÀU	DH08TA	1		Năm	5	0
21	08142040	QUẢN PHÁT	GIÀU	DH08DY	1		Chín	9	0
22	08142043	NGUYỄN HỒNG	HÀ	DH08DY	0		vắng	V	0
23	07336065	TRẦN ĐẠI	HẢI	CD08CS	1		Ba rưỡi	3	5
24	08141012	TRẦN NGỌC	HẢI	DH08NY	1		không	V	0
25	08169071	VŨ QUANG	HẢI	CD08CS	1		Hai	2	0
26	08112072	NGUYỄN LÊ HỒNG	HẠNH	DH08TY	2		Chín rưỡi	9	5
27	08169074	TRƯƠNG THỊ	HẠNH	CD08CS	1		Tám rưỡi	8	5
28	08169075	ĐINH THỊ	HẰNG	CD08CS	1		Tám rưỡi	8	5
29	08111013	ĐẶNG THỊ THU	HIỀN	DH08CN	1		Chín rưỡi	9	5
30	08112078	LÊ THỊ THU	HIỀN	DH08TY	1		Chín	9	0

Số bài: 29 ; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2: Nguyễn Thị Bích Thuỷ

Duyệt của Trưởng Bộ môn: DN Khang

Cán bộ chấm thi 1&2: TS. Huỳnh Thị Bạch Yến

Ngày 5 tháng 8 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00667

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 09-10

Môn Học : Sinh hóa chuyên ngành (203105) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 05/08/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD202 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08142051	NGUYỄN PHƯƠNG HẢI	HIỀN	DH08DY	2		Sáu Rưỡi	6	5
2	08169090	PHAN THỊ MINH	HIẾU	CD08CS	1		Hai	2	
3	08111014	HÀ VĂN	HOÀNG	DH08CN	1		Một	1	
4	08112086	NGÔ THỊ BÍCH	HOÀNG	DH08TY	1		Bảy Rưỡi	7	5
5	07336099	HUỲNH THANH	HÙNG	CD08CS	1		Năm Rưỡi	5	5
6	07336101	NGUYỄN DUY	HUY	CD08CS	1		Ba	3	
7	08169108	PHẠM QUANG	HUY	CD08CS	1		Năm	5	
8	08141020	VÕ ĐỨC	HUY	DH08NY	1		Tám	8	
9	08142059	NGÔ THỊ THU	HUỲNH	DH08DY	1		Chín	9	
10	08169113	ĐÀO THÚY	HƯƠNG	CD08CS	1		Chín Rưỡi	9	5
11	08142065	NGUYỄN THANH	HƯƠNG	DH08DY	1		Sáu Rưỡi	6	5
12	07111184	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH08CN	1		Chín	9	
13	08169115	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	CD08CS	2		Chín Rưỡi	9	5
14	08141022	TÔN NỮ NGUYÊN	HƯƠNG	DH08NY	2		Bảy	7	
15	08142069	NGUYỄN NHƯ KIỀU	KHANH	DH08DY	1		Năm	5	
16	08116074	HỒ THỊ NHƯ	KHÁNH	DH08NT	1		Chín	9	
17	08141023	NGUYỄN ĐĂNG	KHÁNH	DH08NY	1		Ba Rưỡi	3	5
18	07116090	ĐÀO MINH	KHOA	DH08NT	1		Năm	5	

Số bài: 29; Số tờ: 12

Cán bộ coi thi 1&2: phan x phư; Ng Hồng Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn: DN Khang

Cán bộ chấm thi 1&2: TS. Huỳnh T. Bạch Yến

Ngày 5 tháng 8 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00667

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 09-10

Môn Học : Sinh hóa chuyên ngành (203105) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 05/08/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD202 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08161095	ĐÀO THỊ MỸ	KIỀU	DH08TA	1		Mười	10	
20	08169139	NGUYỄN BÁ	LIỆU	CD08CS	1		Một Rưỡi	1	5
21	08112139	BÙI THỊ HƯƠNG	LINH	DH08TY	1	Linh	Năm	5	
22	08142083	ĐỖ THỊ THÙY	LINH	DH08DY	1		Sáu Rưỡi	6	5
23	08142087	TRẦN KHÁNH	LINH	DH08DY	1		Không	0	
24	08161108	LÂM THỊ KIM	LOAN	DH08TA	1		Tám	8	
~~25~~	~~08169147~~	~~LÊ THỊ CẨM~~	~~LOAN~~	~~CD08CS~~			vắng	V	
26	08142089	NGUYỄN THỊ	LOAN	DH08DY	1		Tám	8	
27	08112147	NGUYỄN THỊ BÍCH	LOAN	DH08TY	1		Tám	8	
28	08169148	PHAN THỊ THÚY	LOAN	CD08CS	1	Loan	Bảy Rưỡi	7	5
29	08169152	HUỲNH HỮU	LỢI	CD08CS	1		Năm	5	
30	08111020	NGUYỄN MINH	LUÂN	DH08CN	1		Bảy rưỡi	7	5

Số bài: 29; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2: Phan Phu; Ng. Hồng Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn: DN Khang

Cán bộ chấm thi 1&2: TS. Huỳnh T. Bạch Yến

Ngày 5 tháng 8 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00668

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 09-10

Môn Học : Sinh hóa chuyên ngành (203105) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 05/08/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD203 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	07336143	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	CD08CS	1		Năm rưỡi	5	5
2	08141029	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NGA	DH08NY	1		Năm rưỡi	5	5
3	08161125	CHÂU THỊ THU	NGÀ	DH08TA	1		Tám	8	
4	08142105	LỮ THỊ KIM	NGÂN	DH08DY	1		Tám	8	
5	08112172	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	DH08TY	1		Bảy rưỡi	7	5
6	08169175	TRẦN THỊ MỸ	NGÂN	CD08CS	1		Bốn	4	
7	08169176	GIÁP HỮU	NGHĨA	CD08CS	1		Ba rưỡi	3	5
8	08112179	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	DH08TY	1		Ba	3	
9	08112181	TRẦN THỊ BÍCH	NGỌC	DH08TY	1		Chín	9	
10	08169190	PHẠM THỊ HỒNG	NHUNG	CD08CS	1		Năm	5	
11	08142118	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	DH08DY	1		Sáu rưỡi	6	5
12	08111054	QUẢNG ĐẠI	PARI	DH08CN	1		Không	0	
13	08112200	ĐOÀN NGUYỄN MY	PHA	DH08TY	1		Chín rưỡi	9	5
14	07336182	HUỲNH NHẬT	PHI	CD08CS	1		Năm	5	
15	08142129	DƯƠNG CẨU	PHÚC	DH08DY	1		Tám	8	
16	07142062	NGUYỄN QUỐC	PHƯỚC	DH08DY	1		Năm	5	
17	08142140	ĐẶNG THỊ THÚY	PHƯỢNG	DH08DY	1		Chín rưỡi	9	5
18	08161151	NGUYỄN HỒNG	PHƯỢNG	DH08TA	1		Tám	8	

Số bài: 30; Số tờ: 30

Cán bộ coi thi 1&2 — Ng. T. H. Thu

Duyệt của Trưởng Bộ môn — DN Khang

Cán bộ chấm thi 1&2 — TS. Huỳnh T. Bạch Yến

Ngày 5 tháng 8 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00668

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 09-10

Môn Học : Sinh hóa chuyên ngành (203105) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 05/08/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08161154	BÙI NGỌC	QUẢNG	DH08TA	1		Tám	8	
20	08169211	PHẠM ĐỨC	QUÍ	CD08CS	1		Sáu rưỡi	6	5
21	08169215	VŨ VĂN	QUYẾN	CD08CS	1		Tám rưỡi	8	5
22	08141038	NINH TÔ	RÍT	DH08NY	1		Hai	2	
23	08111033	NGUYỄN THỊ THU	SANG	DH08CN	1		Sáu rưỡi	6	5
24	07111095	TRẦN THANH	SANG	DH08CN	1		Không	0	
25	08161172	NGUYỄN PHƯỚC	TÂN	DH08TA	1		Chín	9	
26	08169241	ĐÀO NGỌC	THẠCH	CD08CS	1		Chín	9	
27	08161174	NGUYỄN CHÍ	THANH	DH08TA	1		Năm	5	
28	08142157	NGUYỄN THỊ	THANH	DH08DY	1		Bảy rưỡi	7	5
29	08112243	NGUYỄN THỊ LAN	THANH	DH08TY	1		Chín rưỡi	9	5
30	08141043	BÙI PHƯƠNG	THẢO	DH08NY	1		Một	1	

Số bài: 30 ; Số tờ: 30

Cán bộ coi thi 1&2

Hoàng T Ny

Ng. T. H. Thu

Duyệt của Trưởng Bộ môn

DN Khng

Cán bộ chấm thi 1&2

TS. Huỳnh T. Bạch Yến

Ngày 5 tháng 8 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00669

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 09-10

Môn Học : Sinh hóa chuyên ngành (203105) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 05/08/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD204 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 004 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08116149	LÊ NGUYỄN XUÂN	THẢO	DH08NT	1		Ba Rưỡi	3	5
2	08112262	HÀ THỊ	THU	DH08TY	1		Sáu Rưỡi	6	5
3	08161197	HOÀNG THỊ	THU	DH08TA	1		Mười	10	
4	08116164	LÝ ANH	THUẬT	DH08NT	1		Bốn	4	
5	08142175	LÊ THỊ BÍCH	THỦY	DH08DY	1		Tám Rưỡi	8	5
6	08142176	LÊ THỊ THU	THỦY	DH08DY	1		Năm Rưỡi	5	5
7	08142177	LÊ THỊ NGỌC	THÚY	DH08DY	1		Chín	9	
8	08142181	NGUYỄN THỊ HỒNG	THƯƠNG	DH08DY	1		Tám Rưỡi	8	5
9	08161204	VÕ THỊ KIM	THƯƠNG	DH08TA	1		Sáu	6	
~~10~~	~~08112276~~	~~BẠCH NGỌC THỦY~~	~~TIÊN~~	~~DH08TY~~			vắng	V	
11	08169267	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	CD08CS	1		Không	V	
12	08169276	HỒ VĂN	TO	CD08CS	1		Chín	9	
13	08112287	ĐỒNG THỊ THANH	TRANG	DH08TY	1		Mười	10	
14	08142196	HOÀNG THỊ MINH	TRANG	DH08DY	1		Năm Rưỡi	5	5
~~15~~	~~07336298~~	~~HỒ THỊ KIM~~	~~TRANG~~	~~CD08CS~~			vắng	V	
16	08142197	LÊ PHẠM THIÊN	TRANG	DH08DY	1		Một	1	
17	08161220	LÊ ĐỨC	TRÍ	DH08TA	1		Năm	5	
18	08169299	HÙNG THANH	TRÚC	CD08CS	1		Năm	5	

Số bài: 23 ; Số tờ: 23

Cán bộ coi thi 1&2 — Đ.T. Lợi

Duyệt của Trưởng Bộ môn — DN Khang

Cán bộ chấm thi 1&2 — TS. Huỳnh T. Bạch Yến

Ngày 5 tháng 8 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00669

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 09-10

Môn Học : Sinh hóa chuyên ngành (203105) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 05/08/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD204 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 004 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08169295	LÊ QUANG	TRUNG	CD08CS	1		Nửa điểm	0	5
20	08112303	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	DH08TY	1		Hai Rưỡi	2	5
21	08161232	PHẠM VŨ	TUÂN	DH08TA	1	Tuan	Sáu	6	0
22	08169306	NGÔ LÊ HOÀNG	TUẤN	CD08CS	1		Ba	3	0
23	08161256	TRẦN QUỐC	VINH	DH08TA	1	Vinh.	Sáu	6	0
24	08142225	PHẠM NGỌC NHƯ	Ý	DH08DY	1		Năm Rưỡi	5	5
~~25~~	~~08142223~~	~~LÊ BẢO~~	~~YÊN~~	~~DH08DY~~			Vắng	V	
26	08116212	TRẦN NGỌC HẢI	YẾN	DH08NT	1		Một Rưỡi	1	5

Số bài: 23 ; Số tờ: 23

Cán bộ coi thi 1&2 — ĐT Lợi — Trần T.K.Khoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn — DN Khang

Cán bộ chấm thi 1&2 — TS. Huỳnh T. Bạch Yến

Ngày 5 tháng 8 năm 2010